

Số: 93/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- ĐÀ NẴNG, TP ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 221/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Ông Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 11/02/1985; Căn cước số: 052085010901; địa chỉ thường trú: thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ tạm trú: 596 T, tổ B, phường H, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Nguyễn Thị Ái T, sinh ngày 24/10/1980; Số căn cước công dân: 049180010317; địa chỉ: Tổ H, tổ dân phố T, xã Q, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ tạm trú: E T, tổ B, phường H, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ái T kết hôn với nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cũ, nay là xã Q, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 27/7/2015), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông, bà về chung sống tại địa chỉ: E T, tổ B, phường H, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống đến năm 2025 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do: Bất đồng quan đồng quan sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó ông A, bà T đề nghị Tòa án công nhận vợ chồng ông, bà thuận tình ly hôn. Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông A, bà T tiếp tục đề nghị Tòa án công nhận vợ chồng thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ái T đã thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các vấn đề khác. Do đó, cần áp dụng

Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] *Về con chung*: Ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ái T xác định vợ chồng có 01 con chung tên: Nguyễn Cao Thiên P, sinh ngày 07/12/2016. Ly hôn, ông, bà thống nhất thoả thuận giao con chung Nguyễn Cao Thiên P cho bà Nguyễn Thị Ái T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Ngọc A không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy ông A, bà T thỏa thuận về việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục chung phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên có cơ sở công nhận.

[3] *Về quan hệ tài sản chung*: Ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ái T không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[4] *Về nợ chung*: Ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ái T xác định không có nên không xem xét.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ái T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ái T về việc nuôi dưỡng con chung như sau:

+ Giao con chung Nguyễn Cao Thiên P, sinh ngày 07/12/2016 cho bà Nguyễn Thị Ái T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Ông Nguyễn Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Các bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ái T không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ái T xác định không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ái T tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ái T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003521 ngày 09/4/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Như vậy ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ái T đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- UBND xã Quế Sơn, TP. Đà Nẵng
(theo GCNKH số 48 ngày 27/7/2015 Đăng ký tại UBND thị trấn Đông Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cũ);
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Phan Văn Cường